

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/HS-PT

Ngày: 02 - 07 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Ông Trần Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Phạm Thị N do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm T là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thành N1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh.

Bị cáo bị kháng cáo: Phạm Thị N (tên gọi khác: Phạm Thị L), sinh ngày 03 tháng 3 năm 1968 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L1, sinh năm 1945 (Chết) và bà Lê Thị X, sinh năm 1946 (Chết); Chồng là ông Trần Văn C, sinh năm 1971 và 02 người con tên Trần Văn M (Sinh năm 1990), Trần Thị L2 (Sinh năm 1993); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/01/2026; (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Lê Thành N1, sinh ngày 02/5/2006 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại N1: Ông Lê Văn L3, sinh năm 1981 và bà Trần Thị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L3, bà D: Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh; Nơi ở hiện nay: Số A đường số I, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 10/5/2025 được chứng thực tại VPCC Đ với số chứng thực 000631, quyền số 05-SCT/CK,CD). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị N là người không có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định của pháp luật. Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 31/3/2025, N điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 62S1-252.39 chở theo cháu nội là Trần Lê Mai K (Sinh ngày 06/4/2016), lưu thông trên Đường T theo hướng từ cửa khẩu M2 đi thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) để đưa cháu K đến trường tiểu học M3. Khi đến Km19 thuộc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh) thì N nhìn thấy trên mặt đường nhựa có các hình vẽ màu trắng là dấu vết hiện trường của một vụ tai nạn giao thông xảy ra trước đó nên đã điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái hướng đi. Lúc này, Lê Thành N1 điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 62S1-303.97 lưu thông theo hướng ngược chiều chạy đến nên bánh trước xe mô tô do N điều khiển đã va chạm vào ống phuộc trước bên trái xe mô tô do N1 điều khiển, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả Lê Thành N1 bị thương nặng và tử vong trên đường đưa đi cấp cứu. Nhiên và K bị thương, được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện X1, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Phường G, tỉnh Tây Ninh).

Tại Kết luận giám định tử thi số 45/KLGĐTT-TTPY ngày 23/4/2025 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh L (nay là Trung tâm Pháp y tỉnh T) kết luận: Nạn nhân Lê Thành N1, sinh năm 2006 tử vong do chấn thương vào vùng cổ, ngực làm dập cơ vùng cổ, lồng khí quản đầy máu dịch, dập phổi, dập màng bao tim gây bít tắc đường thở dẫn đến suy hô hấp cấp.

Tại Kết luận giám định độc chất số 760/1045-1046/25/KLGĐĐC-PYQG ngày 23/4/2025 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không tìm thấy nồng độ cồn và các chất ma túy trong máu của Lê Thành N1.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 159/KLTTCT-TTPY ngày 20/6/2025 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh L (cũ) kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thị N tại thời điểm giám định là 44%.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 72/KLTTCT-TTPY ngày 20/8/2025 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh L (cũ) kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Lê Mai K tại thời điểm giám định là 63%.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T) lập lúc 07 giờ 00 phút ngày 31/3/2025 thể hiện:

– Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đường nhựa ĐT 838 thuộc ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh với mặt đường rải nhựa (thăng, bằng phẳng), rộng 07m; hai

bên đường có chiều rộng 3m50; trên đường có vạch sơn màu vàng liên tục phân chia hai chiều xe chạy; khu vực hiện trường không có biển báo hiệu.

– Chọn trụ điện 307 trên đường ĐT838 làm mốc cố định. Chọn mép đường phía bên phải đường ĐT838 theo hướng thị trấn Đ (Xã Đ) về hướng cửa khẩu Mỹ Quý T2 làm lề chuẩn để đo vẽ dấu vết hiện trường như sau:

+ Ký hiệu số (1) vị trí vết phanh màu đen dài 2m55 in đậm trên mặt lộ nhựa do ma sát lớp vỏ xe mô tô biển kiểm soát 62S1-303.97 để lại; đầu vết phanh và cuối vết phanh đo vào lề chuẩn lần lượt là 2m80, 2m90; đầu vết phanh kéo dài từ hướng thị trấn Đ về hướng cửa khẩu M2.

+ Ký hiệu số (2) vị trí xe mô tô 62S1-303.97 nằm ngã nghiêng sang trái trên đường ĐT838, đầu xe hướng về thị trấn Đ và hướng sang trái lề đường theo hướng lề chuẩn, trục bánh trước và trục bánh sau đo vào lề chuẩn là 3m và 2m65.

+ Ký hiệu số (3) vị trí vết cày dài 1m10, bị đứt khoảng in mài mòn mặt nhựa đường; đầu vết cày đo vào lề chuẩn là 3m40 và kéo dài đến cản gác chân bên trái, cản đạp thắng bên trái xe mô tô biển kiểm soát 62S1-252.39.

+ Ký hiệu số (4) vị trí xe mô tô 62S1-252.39 nằm ngã nghiêng sang bên phải đường ĐT838, thân xe ngang lộ, đầu xe hướng sang bên trái đường theo lề chuẩn, trục bánh trước xe và trục bánh sau xe đo vào lề chuẩn lần lượt là 3m20 và 4m05.

+ Cuối vết phanh (1) đo đến trục bánh trước xe (2) là 0m50, đầu vết cày (3) đo đến tâm trục bánh xe (2) là 0m70, tâm trục bánh sau xe (1) đến tâm trục bánh sau xe (4) là 0m95, đầu vết phanh (1) đo đến trụ điện 307 là 15m.

Tại Biên bản khám phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 62S1-303.97 được lập lúc 08 giờ 00 phút ngày 31/3/2025 thể hiện: Cong, biến dạng niền vành bánh xe trước hướng từ ngoài vào trong; Cong hai ống phuộc trước, cong từ trước ra sau, phải sang trái; Hư hỏng mũi dè chắn bùn phía trước; Mặt ngoài lớp vỏ bánh trước, bánh sau tiếp xúc với mặt đường bị mài mòn kim loại.

Tại Biên bản khám phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 62S1-252.39 được lập lúc 08 giờ 20 phút ngày 31/3/2025 thể hiện: Cong biến dạng niền vành bánh xe trước, cong từ ngoài vào trong; Cong thụng 02 ống phuộc trước, cong từ trước ra sau, cong queo từ trái sang phải; Hư hỏng mũi dè chắn bùn phía trước, mặt nạ đầu xe phía trước, ốp lưng chắn gió phía trước bên trái; Cản gác chân phía trước bên phải và cản đạp thắng sau bên phải bị trầy xước, mài mòn kim loại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh đã xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 299, 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị N 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án **treo**, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (24/3/2026).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 08/4/2026, bà Nguyễn Thị Diễm T là người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thành N1 kháng cáo yêu cầu tăng nặng mức hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo và xem xét làm rõ trách nhiệm pháp lý của ông Trần Văn C trong việc giao phương tiện cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bà T kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N về tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, không oan. Bà T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu xử lý hành vi của ông C. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo đối với tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo là có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. **Đối với yêu cầu xử lý hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện của ông C, xét thấy, xe mô tô biển kiểm soát 62S1-252.39 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn C, ngày 31/3/2025 xe ông C để tại nhà, bị cáo N tự ý lấy xe đi, ông C hoàn toàn không biết nên không có căn cứ xử lý đối với ông C.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Thị Diễm T kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Thị N là người không có giấy phép lái xe theo quy định. Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 31/3/2025, N điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 62S1-252.39 chở cháu nội là Trần Lê Mai K đi học trên Đường T hướng từ cửa khẩu M2 đi xã Đ, tỉnh Tây Ninh. Khi đi đến km19 thuộc ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh thì lấn sang bên trái đường, va chạm với ông phuộc trước bên trái xe mô tô mang biển kiểm soát 62S1-303.97 do Lê Thành N1 điều khiển nên gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả N1 tử vong, cháu K bị thương cơ thể 63%. Hành vi của bị cáo Phạm Thị N đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 của Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024. Lỗi dẫn đến tai nạn là do bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo Phạm Thị N là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ra tai nạn giao thông hậu quả 01 nạn nhân tử vong, 01 người bị thương nghiêm trọng và làm hư hỏng xe mô tô. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; bị cáo có cha ruột là ông Phạm Văn L1 là liệt sĩ, có bà nội là Lương Thị M1 là Mẹ Việt Nam Anh Hùng; người đại diện hợp pháp của bị hại K xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; đại diện hợp pháp của bị hại K xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là có căn cứ, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác, nên không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại, giữ y bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 -Tây Ninh.

Đối với yêu cầu xử lý hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện của ông C, xét thấy xe mô tô biển kiểm soát 62S1-252.39 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn C, ngày 31/3/2025 xe ông C để tại nhà, bị cáo N tự ý lấy xe đi, ông C hoàn toàn không biết, Cơ quan Điều tra không chứng minh được ông C là người giao xe cho bị cáo N sử dụng, nên cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm đối với ông C là có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù, án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 03 năm tù nhưng chưa áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là không chính xác, nên cần sửa chữa phần áp dụng điều luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại diện bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm T là người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thành N1;

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh, về hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị N.

2. Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (24/3/2026).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại diện bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 2;
- VKSND khu vực 2;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Minh Trí

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

